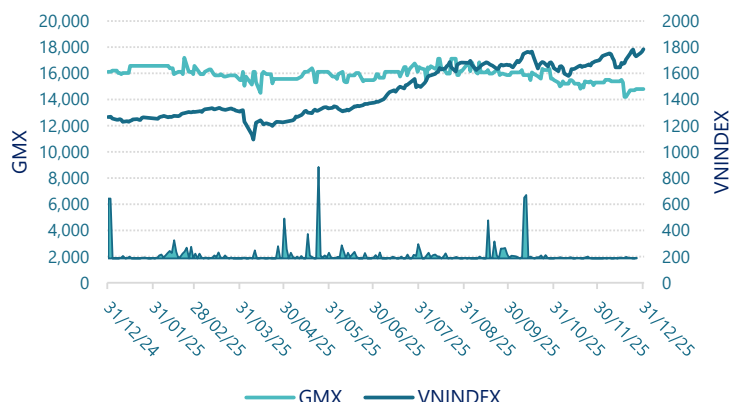


CTCP Gạch ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân (HNX: GMX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,194
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
SL cổ phiếu LH	9,034,451
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,600
% sở hữu nước ngoài	6.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	134
P/E	7.6
EPS	1,941

DT thuần

Q4/25

48.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.20 | 9.6%

YoY: ▲ 6.60 | 15.9%

LN sau thuế

Q4/25

5.74

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.28 | 5.2%

YoY: ▲ 1.42 | 33.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.0%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2025

174

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.00 | 5.7%

LN sau thuế

2025

17.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.90 | 5.9%

ROE

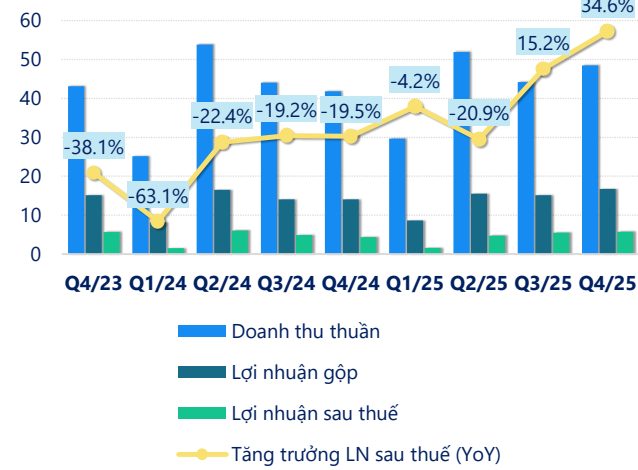
2025

15.2%

+/- YoY: ▲ 1.2%

tỷ VNĐ

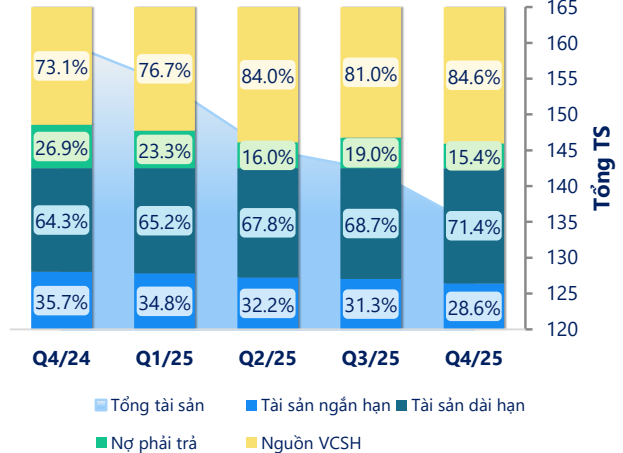
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

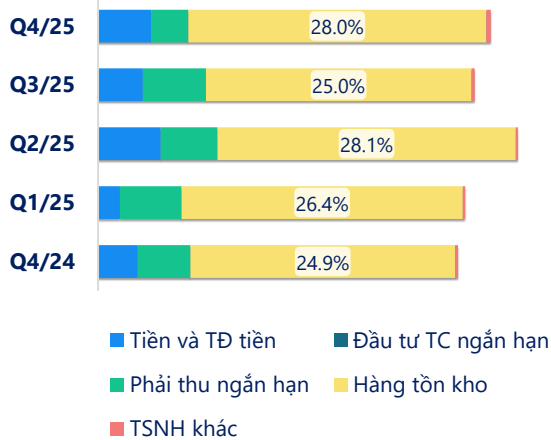
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



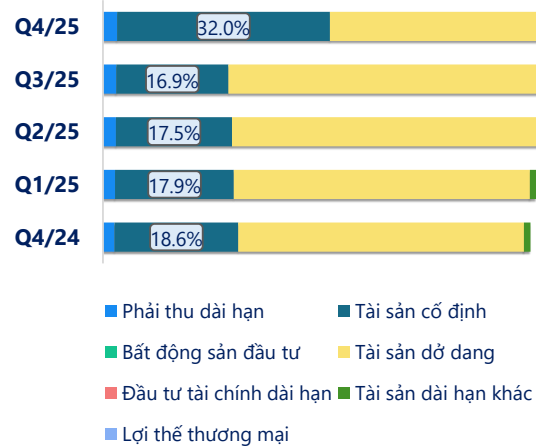
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

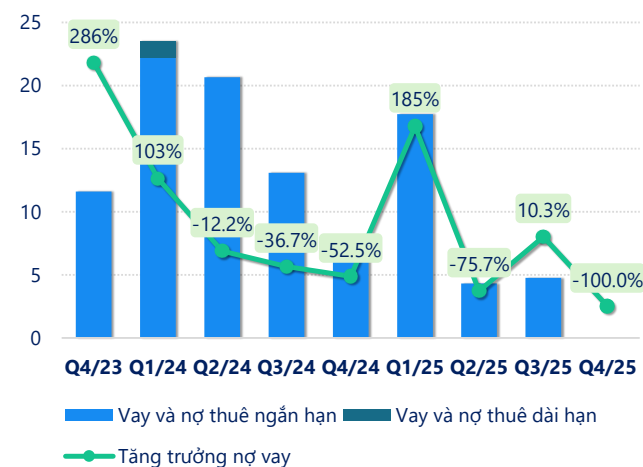
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

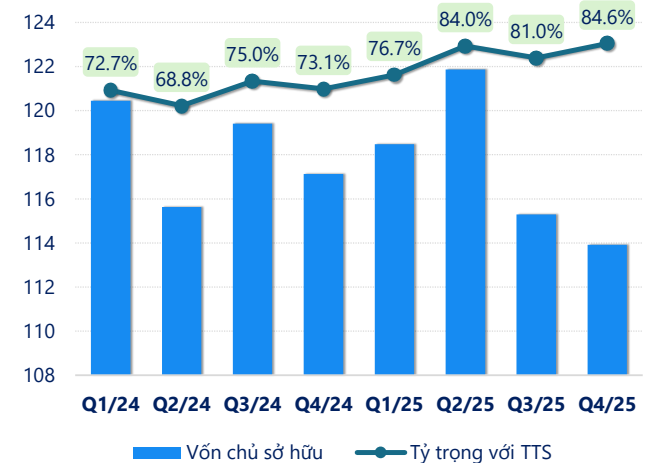
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

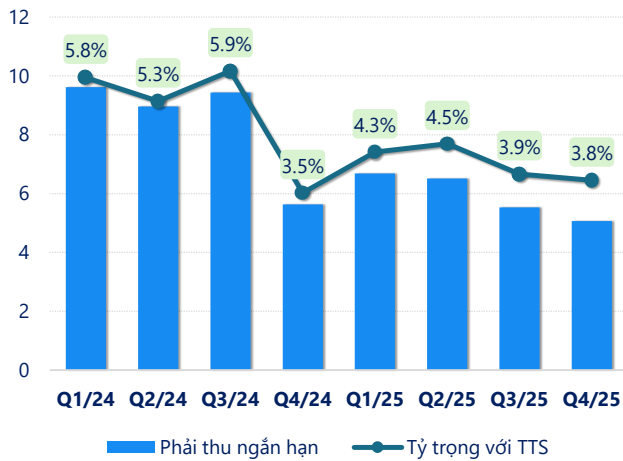
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



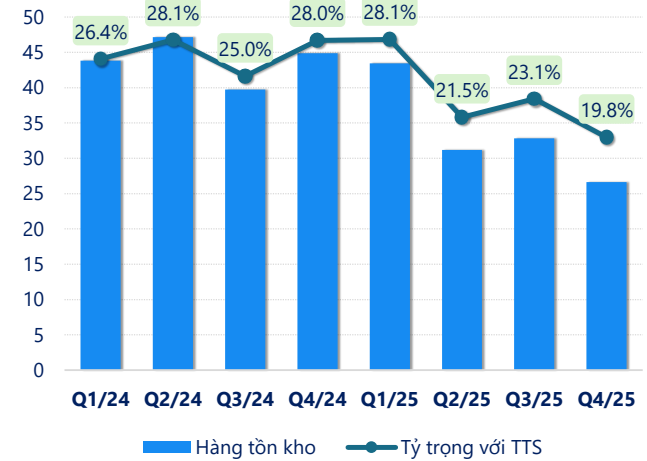
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


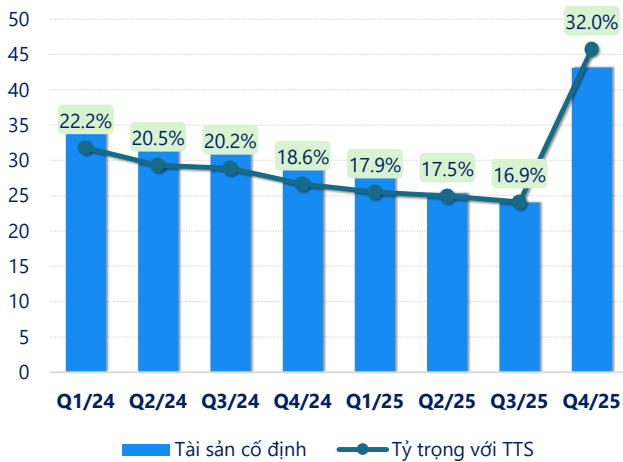
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


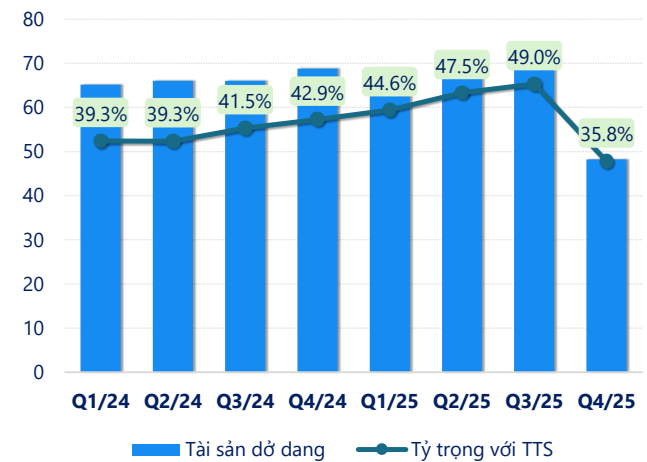
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

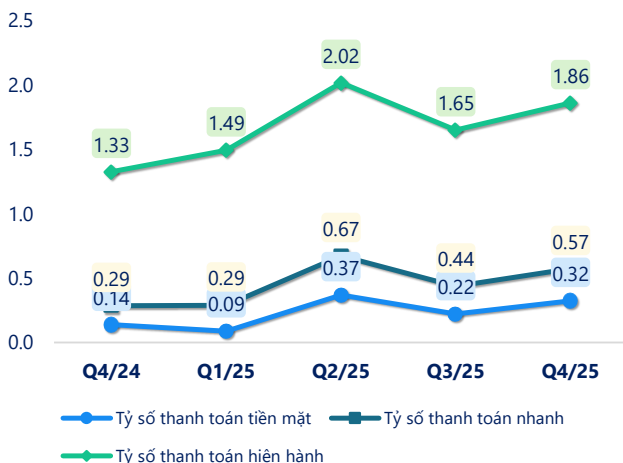
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

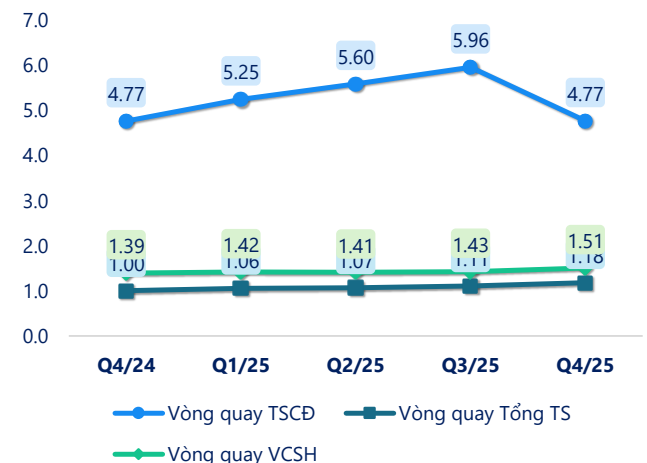
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	160	155	145	142	135
Tài sản ngắn hạn	57.2	53.8	46.8	44.6	38.4
Tiền và tương đương tiền	5.98	3.17	8.55	5.98	6.71
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	5.63	6.68	6.51	5.53	5.06
Hàng tồn kho	44.9	43.4	31.2	32.8	26.6
Tài sản ngắn hạn khác	0.70	0.56	0.54	0.27	0.06
Tài sản dài hạn	103	101	98.3	97.7	96.1
Phải thu dài hạn	2.77	2.84	2.84	2.84	2.84
Tài sản cố định	29.9	27.6	25.3	24.0	43.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	68.8	68.9	68.9	69.7	48.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.60	1.41	1.24	1.13	1.97
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	43.1	36.1	23.2	27.1	20.7
Nợ ngắn hạn	43.1	36.1	23.2	27.1	20.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.21	17.7	4.32	4.76	0
Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	8.66	5.51	5.48	5.95
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	117	118	122	115	114
Vốn chủ sở hữu	117	118	122	115	114
Vốn điều lệ	90.4	90.4	90.4	90.4	90.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)